TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2020/DSPT
Ngày: 09/9/2020
V/v: Tranh chấp kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BN

- *Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tính

Ông Trần Văn Chinh

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lưu Thị Tuyết Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh BN.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN*: Bà Thân Thanh Huyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BN xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 73/2020/TLPT- DS ngày 12/6/2020 về "Tranh chấp kiện đòi tài sản". Do bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2020/DS-ST ngày 13/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh BN bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 89/2020/QĐ-PT ngày 20/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh BN giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Duệ Đ, thị trấn L, huyện TD, tỉnh BN.

Người đại diện theo ủy quyền của anh H, chị H: Anh Nguyễn Anh Ng, sinh năm 1971; Địa chỉ: Khu phố T, phường Khắc N, thành phố BN, tỉnh BN (có mặt).

- Bị đơn: Anh Bạch Hải Đ, sinh năm 1969 (có mặt)

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1976 (có mặt)

Cùng đia chỉ: Thôn Duệ Đ, thị trấn L, huyện TD, tỉnh BN.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Vũ Văn H – Luật sư Công ty luật TNHH Dương Gia, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (có mặt).

Địa chỉ: Số 89 Tô Vĩnh Diện, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Người có kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Anh Ng; Anh Bạch Hải Đ, Chị Nguyễn Thị H.

Người có kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau: *Tại đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo tại Toà án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Anh Ng trình bày*: Do có quan hệ quen biết vì là người cùng làng nên vợ chồng Anh Nguyễn Đức H, Chị Nguyễn Thị H có cho vợ chồng Chị Nguyễn Thị H, Anh Bạch Hải Đ vay tiền nhiều lần để kinh doanh. Cụ thể: Ngày 22/3/2013 vay 600.000.000đ, hẹn đến 25/2/2014 sẽ thanh toán; Ngày 05/7/2013 vay 200.000.000đ, hẹn đến ngày 05/7/2014 sẽ trả; Ngày 08/7/2014 vay 400.000.000đ, hẹn đến ngày 08/12/2014 sẽ trả. Tổng số tiền anh Đ, chị H đã vay của anh H, chị H là 1.200.000.000đ, lãi suất theo thỏa thuận. Các lần vay hai bên đều viết giấy vay tiền; có chữ ký xác nhận của các bên vay là anh Đ, chị H và bên cho vay là anh H, chị H.

Sau khi viết giấy vay tiền anh Đ, chị H đã nhận tiền của anh H, chị H theo giấy biên nhận vay tiền. Tuy nhiên, từ khi vay tiền cho đến nay anh Đ, chị H chưa thanh toán cho anh H, chị H khoản tiền nào mặc dù anh H , chị H đã đòi nhiều lần.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh Đ chị H phải thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc là 1.200.000.000đ và số tiền lãi là 350.000.000đ.

Đối với các khoản tiền hàng theo bị đơn trình bày đã thanh toán hết cho phía nguyên đơn, không liên quan gì đối với các khoản tiền vay mà phía bị đơn còn nợ nguyên đơn theo các giấy vay tiền nêu trên.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu phía nguyên đơn phải trả lại số tiền đã thanh toán thừa là 600.000.000đ cùng số tiền lãi. Ngày 13/01/2020, phía bị đơn đã rút toàn bộ yêu cầu phản tố nên phía nguyên đơn không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa phía anh Nghĩa là người đại diện theo ủy quyền của anh H, chị H xin rút yêu cầu về việc buộc bị đơn phải thanh toán khoản tiền lãi là 350.000.000đ.

Phía bị đơn là Anh Bạch Hải Đ và Chị Nguyễn Thị H trình bày: Vợ chồng anh chị với vợ chồng anh H, chị H là chỗ quen biết từ lâu và có mối quan hệ làm ăn buôn bán với nhau từ tháng 10/2009. Anh H, chị H có bạn hàng ở chợ Móng Cái, Quảng Ninh. Vợ chồng anh chị thì buôn quần áo may sẵn ở đó đem về BN tiêu thụ.

Do không có vốn nên vợ chồng anh chị có nhờ vợ chồng anh H, chị H đứng ra nhận nợ với chủ hàng, coi như vợ chồng anh chị mua hàng chịu của vợ chồng anh H, chị H và vợ chồng anh H, chị H tính tiền lãi trên số tiền vợ chồng anh chị nợ tiền hàng. Quá trình mua bán, thanh toán tiền hàng chị H và vợ chồng anh chị có viết vào 03 cuốn sổ mà vợ chồng anh đã giao nộp cho Tòa án. Theo đó trong sổ ghi tiền nợ gốc, tiền lãi đã trả và ngày tháng trả, còn năm thì ghi ở tờ đầu cuốn sổ. Tuy nhiên, do không có tiền trả lãi nên vợ chồng anh H, chị H đã cộng dồn nợ lãi vào nợ gốc.

Đến đầu năm 2013 vợ chồng anh H, chị H đã ép vợ chồng anh chị phải ký vào giấy vay nợ cho anh H, chị H. Cụ thể ngày 22/3/2013 vay 600.000.000đ thời hạn trả nợ là ngày 25/02/2014; Ngày 05/7/2013 ghi vay 200.000.000đ thời hạn trả nợ là 01 năm; Ngày 08/7/2014 ghi vay 400.000.000đ thời hạn trả nợ là 05 tháng sau ngày vay. Tất cả những giấy vay nợ trên đều không ghi lãi suất, phía dưới đều có chữ ký của vợ chồng Hưng, Hòa và chữ ký của vợ chồng anh chị. Thực chất thì không có chuyện vợ chồng anh chị vay tiền anh H, chị H mà đây chỉ là nợ tiền hàng, khi tính sổ nợ tiền hàng và tiền lãi đến từng thời điểm ghi trên những giấy vay nợ nêu trên thì anh H, chị H ép vợ chồng anh chị phải ký giấy vay nợ như đã trình bày. Theo anh Đ, chị H, vợ chồng anh H, chị H đã tính tiền lãi quá cao, trong suốt nhiều năm liền thì số tiền nợ mới nhiều như vậy, vợ chồng anh chị phải thanh toán tiền lãi là 1000 đồng/1triệu/1 ngày khoảng 25%/1tháng. Ngoài ra anh H, chị H còn ép vợ chồng anh chị phải viết giấy bán xe ô tô.

Việc buôn bán kết thúc vào khoảng tháng 02/2015 nhưng do còn nợ tiền anh H, chị H nên vợ chồng anh chị vẫn phải tiếp tục trả lãi cao với mức 25%/1 tháng cho anh H, chị H. Theo số liệu ghi trong sổ thì đến ngày 26/4/2017 chị H ghi cả gốc và lãi là 1.106.270.000đ. Từ đầu năm 2018 đến tháng 7/2018 vợ chồng anh chị trả được cho anh H, chị H 115.000.000đ nhưng không lưu chứng cứ này, nhưng anh H có ghi vào sổ theo dõi của anh H.

Ngày 23/10/2019, vợ chồng anh chị có yêu cầu phản tố. Yêu cầu anh H, chị H phải trả lại vợ chồng anh chị số tiền 600.000.000đ mà vợ chồng anh Đ, chị H đã trả vượt số tiền nợ cho anh H, chị H. Ngày 13/01/2020, anh Đ, chị H đã rút toàn bộ yêu cầu phản tố này.

Đối với các khoản tiền hàng mà phía bị đơn cho rằng đã thanh toán hết cho phía nguyên đơn, không liên quan gì đối với các khoản tiền vay mà phía bị đơn còn nợ nguyên đơn.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu phía nguyên đơn phải trả lại số tiền đã thanh toán thừa là 600.000.000 đồng cùng số tiền lãi. Ngày 13/01/2020, phía bị đơn đã rút toàn bộ yêu cầu phản tố nên phía nguyên dơn không có ý kiến gì.

Với nội dung như trên bản án sơ thẩm đã căn cứ điều 26, 35,39, 143, 144, 147, 235, 264, 266, 267, 271, 273, điểm a khoản 2 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 471, 472, 473, 474, 478, 256, 257 Bộ luật dân sự năm 2005; Điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 03 ngày 03/12/2012, Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu kiện về việc kiện đòi tài sản giữa Anh Nguyễn Đức H, Chị Nguyễn Thị H với Anh Bạch Hải Đ, Chị Nguyễn Thị H.

Buộc với Anh Bạch Hải Đ, Chị Nguyễn Thị H phải trả Nguyễn Đức Hưng, Chị Nguyễn Thị H số nợ gốc 1.200.000.000đ.

Trong trường hợp Anh Bạch Hải Đ, Chị Nguyễn Thị H chậm trả tiền thì anh Đ chị H phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của Anh Bạch Hải Đ, Chị Nguyễn Thị H đối với Anh Nguyễn Đức H, Chị Nguyễn Thị H.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên xử về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 24/4/2020 Anh Bạch Hải Đ, Chị Nguyễn Thị H có đơn kháng toàn bộ bản án; Ngày 27/4/2020 người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn là anh Nguyễn Anh Ng có đơn kháng cáo một phần bản án; Ngày 11/5/2020 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN có quyết định kháng nghị bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày, tranh luận giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày, tranh luận giữ nguyên ý kiến của mình và đơn kháng cáo. Đồng thời, đề nghị Tòa án hủy bản án sơ thẩm hoặc chuyển hồ sơ vụ án cho cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh BN; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN giữ nguyên Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật và đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN.

2. Chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền Nguyễn Anh Ng.

3. Không chấp nhận kháng cáo của Anh Bạch Hải Đ và Chị Nguyễn Thị H.

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo của anh Nghĩa, anh Đ và chị H được nộp trong hạn luật định, có nội dung phù hợp và đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng là kháng cáo hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự xét xử phúc thẩm.

Về tố tụng: Hội đồng xét xử thấy, bản án sơ thẩm đã xem xét giải quyết đầy đủ các yêu cầu của đương sự; xác định đúng quan hệ tranh chấp; đưa đầy đủ người có liên quan vào tham gia tố tụng, tiến hành lấy lời khai của các đương sự trong vụ án, đối chất, mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời, quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo theo trình tự thủ tục luật định.

Xét nội dung kháng cáo của anh Đ, chị H: Do có quan hệ quen biết nên vợ chồng Anh Nguyễn Đức H, Chị Nguyễn Thị H có cho vợ chồng Chị Nguyễn Thị H, Anh Bạch Hải Đ vay tiền nhiều lần để kinh doanh. Cụ thể: Ngày 22/3/2013 vay 600.000.000đ, hẹn đến 25/2/2014 sẽ thanh toán; Ngày 05/7/2013 vay 200.000.000đ, hẹn đến ngày 05/7/2014 sẽ trả; Ngày 08/7/2014 vay 400.000.000đ, hẹn đến ngày 08/12/2014 sẽ trả; Tổng số tiền anh Đ, chị H đã vay của anh H, chị H là 1.200.000.000đ, lãi suất theo thỏa thuận. Các lần vay hai bên đều viết giấy vay tiền; có chữ ký xác nhận của các bên vay là anh Đ, chị H và bên cho vay là anh H, chị H. Trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn là anh Đ, chị H đều thừa nhận có ký vào các giấy vay tiền nêu trên, tuy nhiên số tiền vay trong các giấy vay tiền mà vợ chồng anh Đ, chị H ký không phải là tiền vay mà là tiền hàng được ký chốt sổ giữa các bên. Anh Đ, chị H khẳng định là trong quá trình bán hàng vợ chồng anh chị đã trả hết khoản nợ trên nhưng trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại cấp phúc thẩm anh Đ, chị H không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh được số tiền trong 03 giấy vay nợ có liên quan đến số tiền hàng mà anh chị trình bày, đồng thời cũng không chứng minh được việc vợ chồng anh chị đã trả hết số tiền đó. Như vậy, việc bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H, chị H và buộc vợ chồng anh Đ, chị H phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 1.200.000.000đ cho anh H, chị H là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của anh Đ, chị H là không có căn cứ chấp nhận.

Xét nội dung kháng cáo của anh H, chị H và quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN thì thấy:

Thứ nhất, bản án sơ thẩm nhận định: Đối với yêu cầu về buộc bị đơn phải thanh toán số tiền lãi suất là 350.000.000đồng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút toàn bộ yêu cầu này. Xét thấy việc rút yêu cầu này của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật nên cần đình chỉ và không xem xét đối với yêu cầu này. Tuy nhiên, trong phần quyết định của bản án sơ thẩm lại không tuyên đình chỉ yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn là thiếu sót.

Thứ hai, theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì nguyên đơn yêu cầu tòa án giải quyết cả phần tiền nợ gốc và tiền lãi. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án đến phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã tự nguyện rút yêu cầu buộc bị đơn phải trả 350.000.000đ tiền lãi của khoản vay. Theo quy định của pháp luật thì tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn có quyền rút yêu cầu khởi kiện hoặc một phần yêu cầu khởi kiện, sau khi rút yêu cầu khởi kiện thì Tòa án đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu đó và hoàn trả lại phần tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm lại tính cả án phí sơ thẩm đối với yêu cầu lãi suất mà nguyên đơn đã rút yêu cầu là không chính xác.

Thứ ba, việc bản án tuyên lãi suất chậm trả không theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao, đồng thời, tại bút lục 18 và 25 không đóng dấu Quốc huy, do đó, cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Từ những căn cứ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy việc kháng cáo của anh Nghĩa là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN là có căn cứ chấp nhận, cần sửa bản án sơ thẩm.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 148; khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 255, 256, 257, 471, 472, 473, 474, 478, Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Sửa bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu kiện về việc kiện đòi tài sản giữa Anh Nguyễn Đức H, Chị Nguyễn Thị H với Anh Bạch Hải Đ, Chị Nguyễn Thị H.

Buộc với Anh Bạch Hải Đ, Chị Nguyễn Thị H phải trả Nguyễn Đức Hưng, Chị Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc 1.200.000.000đ.

2. Đình chỉ yêu cầu của Anh Nguyễn Đức H, Chị Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án buộc Anh Bạch Hải Đ, Chị Nguyễn Thị H phải trả 350.000.000đ tiền lãi của khoản vay 1.200.000.000đ.

3. Đình chỉ yêu cầu phản tố của Anh Bạch Hải Đ, Chị Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án buộc Anh Nguyễn Đức H, Chị Nguyễn Thị H phải trả số tiền 600.000.000đ.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Đức H, Chị Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả anh H, chị H 24.000.000đ và 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000858 ngày 17/07/2019 và 0000119, ngày 05/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TD.

Anh Bạch Hải Đ, Chị Nguyễn Thị H phải chịu 48.000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ 14.000.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000965 ngày 11/11/2019 và 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0000118 ngày 04/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TD.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh BN;
- TAND huyện TD;
- Chi cục THADS huyện TD;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thanh Bình